

Bản án số: **31/2026/DS-ST**

Ngày: 31- 7 – 2026.

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Đình Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Cao Văn Tiên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/ TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2025. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1962, (tên thường gọi L L). Nơi cư trú: Thôn 9A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình C. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường E, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Trần Đình D (tên gọi khác là D), sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn Đ

(trước đây là thôn Đ2), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Phạm Hải D1. Nơi cư trú: Thôn 3, xã E, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

+ Chị Trần Thị Thúy K, sinh ngày 09/3/2007. Nơi cư trú: Thôn Đ (trước đây là thôn Đ2), xã E, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Đ (trước đây là thôn Đ2), xã E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Thủy D2, sinh ngày 12/02/2003. Nơi cư trú: Thôn Đ (trước đây là thôn Đ2), xã E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, ngày 15/11/2024 và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình C trình bày: Do có quan hệ quen biết nên từ năm 2015 đến ngày khởi kiện ngày 15/11/2024 vợ chồng ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H vay của bà Lê Thị L số tiền 545.550.000 đồng và tiền lãi là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 795.550.000đ (bảy trăm chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Quá trình vay tiền tính đến nay bà ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H đã trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền gốc là 130.000.000đ (các lần trả cụ thể như sau: ngày 07/4/2024 trả số tiền 10.000.000đ, ngày 18/5/2024 trả 10.000.000đ, ngày 20/6/2024 trả 10.000.000đ và ngày 18/6/2026 trả số tiền 100.000.000đ). Tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền vay nợ gốc. Phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông Trần Đình D, bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền vay gốc và lãi suất là 695.550.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị Trần Thị Thủy D2 và chị Trần Thị Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 795.550.000 đồng.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Đình D là ông Phạm Hải D1 trình bày: Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn ông Trần Đình D bà Nguyễn Thị H

xác nhận còn nợ của bà L 100.000.000 đồng tiền vay gốc và vợ chồng ông Trần Đình D, bà Nguyễn Thị H đồng ý trả cho bà L 100.000.000 đồng tiền vay nợ gốc nói trên và không có ý kiến gì thêm.

* Bị đơn chị Trần Thị Thúy K trình bày: Chị K xác nhận từ năm 2022 cho đến nay bố mẹ chị K là ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H có đưa cho chị K 130.000.000 đồng để trả cho bà L và ông D bà H đồng ý trả lại cho bà L 100.000.000 đồng tiền vay và nguồn gốc số tiền trên là do ông D bà H vay của bà L chứ không liên quan gì đến chị Trần Thị Thúy K với chị Trần Thị Thủy D2 và tại thời điểm chị K với chị D2 ký vào giấy vay tiền của bà L khi chưa đủ 18 tuổi nên chị K không đồng ý trả nợ cho bà L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bên đương sự; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Thủy D2 đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với bà H, chị D2. Căn cứ Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Tại phiên tòa ông Nguyễn Đình C trình bày ý kiến tranh luận: Phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L 100.000.000 đồng tiền vay gốc. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H trả cho bà Lê Thị L số tiền vay gốc và lãi suất là 695.550.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị Trần Thị Thủy D2 và chị Trần Thị Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 795.550.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Hải D1 và chị Trần Thị Thúy K trình bày ý kiến: Phía bị đơn ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H đồng ý trả cho bà Lê Thị L 100.000.000 đồng tiền nợ gốc.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quyền tham gia tố tụng của các bên.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): HĐXX, phía nguyên đơn, bị đơn ông D, bà K đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Thủy D2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền 100.000.000 đồng vay gốc.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền vay gốc và lãi suất là 695.550.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị Trần Thị Thủy D2 và chị Trần Thị Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 795.550.000 đồng.

Đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị L và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là các giấy vay tiền (bút lục số 86 -125) Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật:

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, bị đơn cư trú tại thôn Đ2 (nay là thôn Điện Biên), xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị Thủy D2: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H, chị D2 đều vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H trả cho bà Lê Thị L số tiền 100.000.000 đồng tiền vay gốc, HĐXX nhận định: Trong quá trình thu thập chứng cứ đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông D là ông Phạm Hải D1 và con gái ông D bà H là chị Trần Thị Thúy K khai nhận từ năm 2022 đến nay ông Trần Đình D bà H đã trả cho bà L tổng số tiền 130.000.000 đồng tiền vay gốc và xác định hiện nay ông D, bà H còn nợ bà L số tiền 100.000.000 đồng tiền vay gốc chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự (BLDS).

Tại khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H không tham gia tố tụng, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của ông D (chồng bà H) là ông Phạm Hải D1 và chị Trần Thị Thúy K (con gái ông D bà H) đều xác định trong quá trình vay tiền bà H là người trực tiếp vay tiền và xác định chữ ký Nguyễn Thị H trong các giấy vay tiền bà L cung cấp khởi kiện là chữ ký của bà Nguyễn Thị H. Tại phiên tòa ông D1 và chị K đồng ý việc bị đơn ông D bà H có trách nhiệm trả cho bà L số

tiền 100.000.000 đồng tiền vay gốc. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L là có căn cứ, vì vậy HĐXX, căn cứ Điều 463 của BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình D có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền vay gốc là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất phát sinh: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền vay gốc và lãi suất là 695.550.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị Trần Thị thủy D2 và chị Trần Thị Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 795.550.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, là không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2025, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền là 695.550.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị Trần Thị Thủy D2, chị Trần Thị Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 795.550.000 đồng.

[3] Về phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức: 100.000.000đ x 5%).

Bà Lê Thị L được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[4] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 195, Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

1. Về số tiền: Buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền vay gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền là 695.550.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị Trần Thị Thủy D2, chị Trần Thị Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 795.550.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Đình D và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Lê Thị L được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không đề cập để giải quyết.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị L, bị đơn ông Trần Đình D, chị Trần Thị Thúy K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị Thủy D2 được quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai